

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN BDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+P2+P4	7:25	8+13+1	0+0+0		0+21+1	0+0+0	
2		MRM+RC10+RP2	7:25	4+4+13	0+0+0		2+0+20	0+0+0	
3		IDUN+BK6	7:25	15+4	0+0		17+4	0+0	
4		TD2	7:25	18	0		18	0	
5		P2+P6+TTC1	9:25	19+3+0	0+0+0		13+8+0	0+0+0	chuyen 1 p6-ttc1
6		IDUN+SAVR+PBDA	9:25	13+0+5	0+0+0		4+8+6	0+0+0	
7		RP2+BK16+P2	9:25	19+3+0	0+0+0		14+2+6	0+0+0	
8		CTC1+RC3+AMD	11:25	15+4+1	0+0+0		11+5+3	0+0+0	
9		MRM+BK5+RC10	11:25	19+0+1	0+0+0		8+8+6	0+0+0	
10		TD2	11:25	18	0		7	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: BK5 - P2 - P4	CREW: HUNG - VTHANG - TU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/3779		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC NAM	BK5						81	D-HANH	Vietnamese
2	THÁI HẢI HÀ	BK5	12	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
3	KRAPIVKA V.S	BK5	16	1	2			88	KH-THAC	Russian
4	KRAMARENKO V.V.	BK5	14	1	2	3	50	63	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN VIỆT MINH HOÀNG	BK5						84	ANTOAN	Vietnamese
6	PHAN CÔNG THÀNH	BK5	13	1	10	1	9	80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THUẬN	BK5	10-11	2	19			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NGHIÊM	BK5	09	1	5			57	PSV	Vietnamese
9	DUBOV ALEKSANDR	P2	57	1	6			95	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN THỂ ANH	P2	62	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG XUÂN ĐIỆP	P2	72	1	6			46	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG MINH ĐỨC	P2	58-59	2	20			66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU SỸ	P2	70	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯƠNG XUÂN THÁI	P2	67	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P2	66	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2	63-64	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRÁC ĐỨC HUY	P2	60	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	P2	65	1	2			74	KHI	Vietnamese
19	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	68-69	2	18			76	YTE	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	61	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN VƯỢNG	P2	71	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
22	MATTEO ERIMINI	P4	97	1	7			92	KHI	Italian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK5	8	587	7	45	4	59	0		
2	P2	13	954	16	106	0	0	21		
3	P4	1	92	1	7	0	0	1		
TOTAL		22	1.633	24	158	4	59	22		
WEIGHT KG			1.633		158		59			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGÔ VĂN THẮNG

☒
☐



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 07:35
B.CARD: VANG - 1	TO: MRM - RC10 - RP2	CREW: NAM - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM26/3782		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN THỜI	MRM	90	1	13			68	KHOAN	Vietnamese
2	VOLOSNOV DMITRII	MRM	88-89	2	14			77	AMHGP	Russian
3	IAREMCHENKO TARAS	MRM	85	1	8			90	AMHGP	Russian
4	ZATSEPIN VADIM	MRM	86-87	2	14			101	AMHGP	Russian
5	NGUYỄN TẮT THÀNH	RC10	63	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
6	TATARIHOV S.M	RC10	61	1	1			82	ANTOAN	Russian
7	TẠ VĂN VIỆT	RC10	62	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TRUNG KIÊN	RC10				2	40	67	KH-THAC	Vietnamese
9	KHALIMOV ADIAR	RP2	42-43	2	20			93	KH-THAC	Russian
10	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	53	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	RP2	45	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	55	1	16			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TẤN	RP2	56-57	2	13			67	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	47-48	2	10			75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN KHƯƠNG	RP2	52	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	RP2	44	1	11			98	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC CHINH	RP2				1	10	80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	54	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG HÀ	RP2	51	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG QUẢNG	RP2	49-50	2	14			62	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ ĐỨC LONG	RP2	46	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	4	336	6	49	0	0	2		
2	RC10	4	290	3	16	2	40	0		
3	RP2	13	967	16	114	1	10	20		
TOTAL		21	1.593	25	179	3	50	22		
WEIGHT KG			1.593		179		50			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8420	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO: IDUN - BK6	CREW: QVIỆT - MTHAO - VŨ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03	VNHS FLIGHT: TM26/3785		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DAVID PRICE	IDUN	82	1	16	1	8	109	ABL VIETNAM	British
2	GAVIN BROOKS	IDUN	85-86	2	17			98	ABL VIETNAM	British
3	NGUYỄN VĂN HUỆ	IDUN	84	1	10			62	ESA	Vietnamese
4	PHẠM QUANG VINH	IDUN	68	1	7			65	PVD LOGGING	Vietnamese
5	HỒ XUÂN TUYẾN	IDUN	81	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
6	TRƯƠNG TRỌNG TUẤN ĐẠT	IDUN	66-67	2	10			70	KHOAN	Vietnamese
7	KIỀU TUẤN ANH	IDUN	75-76	2	12			84	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	IDUN	80	1	15			75	DVL	Vietnamese
9	VŨ VĂN NAM	IDUN	78-79	2	19			72	DVL	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THUẬT	IDUN	77	1	15			81	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TUẤN	IDUN	72	1	3			74	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	IDUN	69-70	2	18			60	SCHLUMBERGE R	Vietnamese
13	GRANT CRAVEN	IDUN	74	1	11			111	BORR	British
14	RUDY JOSEPH BARANG	IDUN	71	1	10			96	BORR	Malaysian
15	MARTIN WATSON	IDUN	73	1	10			112	BORR	British
16	LÊ NGỌC AN	BK6	09	1	10	1	13	75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀNG ĐÀN	BK6	11	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HUY TIỀN HẢI	BK6	10	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHÊ	BK6						72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	IDUN	15	1.242	20	181	1	8	17		
2	BK6	4	281	3	25	1	13	4		
TOTAL		19	1.523	23	206	2	21	21		
WEIGHT KG			1.523		206		21			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8619	ETD: 07:25
B.CARD: XANH-1	TO: TD2	CREW: MMINH - XTRƯỜNG	ETA: 10:25
VSP FLIGHT: 04	VNHS FLIGHT: TM26/3769		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	TD2	33	1	9			71	CODIEN	Vietnamese
2	HOÀNG QUỐC HUY	TD2	43-44	2	14			70	CODIEN	Vietnamese
3	ĐẶNG SỰ	TD2	47-48	2	20			77	CODIEN	Vietnamese
4	VŨ THANH BÌNH	TD2	46	1	10	2	16	65	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY KHÁNH	TD2	37	1	9			75	ANTOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN DỤC	TD2	45	1	11			65	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD2	38	1	11			70	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG KIÊN	TD2	41	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ MINH DƯƠNG	TD2	39	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VŨ QUYỀN	TD2	40	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
11	BÙI TRỌNG SƠN	TD2						67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH TRÍ	TD2	36	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ TIỀN VINH	TD2	42	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGỌC TOÀN	TD2	50	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
15	KHÔNG THÁI BÌNH	TD2						77	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ ĐÌNH HUY	TD2	49	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN BẢNG	TD2	12-13	2	11			75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HIỆP	TD2	11	1	3			91	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	18	1.261	19	132	2	16	16		
TOTAL		18	1.261	19	132	2	16	16		
WEIGHT KG			1.261		132		16			

GRAND TOAL: 1.409 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

MÀU MẠNH MINH
HÀ XUÂN TRƯỜNG



Đường bay: TD2

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Ngày: 19/8/2026	Nơi xuất phát: BK-TNG	Số hiệu máy bay: 619	Giờ cất cánh:
Chuyến bay: 01	Nơi đến: Vũng tàu	Tổ bay:	Giờ hạ cánh:

Hành khách

STT	Tên hành khách	Hộ chiếu/ CMND	Quốc tịch	Chức vụ	Công ty	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	Phạm Hồng Sơn	19577	Việt Nam	T nhóm CN	VSP-XNKT	1	4	78
2	Nguyễn Anh Hào	21825	Việt Nam	Thợ Vận hành	VSP-XNKT	1	5	80
3	Lê Anh Tuấn	15779	Việt Nam	T N Điện-TĐH	VSP-XNKT	1	4	60
4	Đỗ Thanh Tùng	20764	Việt Nam	KS Điện-TĐH	VSP-XNKT	1	3	90
5	Trần Đa Kha	16987	Việt Nam	Thợ điện-TĐH	VSP-XNKT	1	7	82
6	Nguyễn Đức Sùng	22094	Việt Nam	Thợ điện-TĐH	VSP-XNKT	1	5	60
7	Dương Văn Thông	12441	Việt Nam	CV Turbine	VSP-XNKT	1	9	62
8	Đỗ Văn Cường	18773	Việt Nam	KS Cơ khí-ĐL	VSP-XNKT	0	0	68
9	Vũ Duy Phương	34087001105	Việt Nam	KS TĐH	VSP-XNKT	1	7	58
10	Ng Tiến Chương	34067156215	Việt Nam	Bếp đêm	Petrosetco	1	4	63
11	Đặng Thăng Long	XL770	Việt nam	Thợ khảo sát	VSP-XNXL	2	20	72
12	Đỗ Mạnh Hùng	XL914	Việt nam	Thợ khảo sát	VSP-XNXL	2	18	62
13	Nguyễn Hồng Quân	XL1445	Việt nam	Kỹ sư	VSP-XNXL	1	18	85
14	Lê Anh Cường	XL1677	Việt nam	Thợ khảo sát	VSP-XNXL	2	22	75
15	Nguyễn Văn Huân	XL2069	Việt nam	Kỹ sư	VSP-XNXL	1	20	75
16	Nguyễn Văn Hoàn	XL2518	Việt nam	Thợ khảo sát	VSP-XNXL	1	10	70
Σ	16					18	156	1140

Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số kiện	Trọng lượng (Kg)
1				
2				

Ghi chú:

Bs/Quản trị:

Bs. Quách Văn Thao

Đại diện giàn:

Phi công trưởng:

Mô tả	S.L.	Trọng lượng
Hành khách	16	1140
Hành lý	18	156
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	34	1296



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: IDUN - SAVR - PBDA	CREW: NAM - M.ĐỨC - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06	VNHS FLIGHT: TM26/3783		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	JOHN JUSTIN JAMES	IDUN	86-87	2	12			103	BORR	Indian
2	PRATIT JAYPRAKASH SAWANT	IDUN	87-88	2	20			87	BORR	Indian
3	KELVIN LAW KIM HSIANG	IDUN	88-89	2	15			87	BORR	Malaysian
4	PHAM MINH DAT	IDUN	90-91	2	12			66	ISOS	Vietnamese
5	LEE SIEW WAI	IDUN	96-97	2	17	6	55	72	CES	Singapore
6	MUHARRAM RALLA	IDUN	94-95	2	16			82	CES	Indonesian
7	BENZIGAR STANLEY	IDUN	92-93	2	14			65	CES	Indian
8	AKSHAY KIRSHOR GOLI	IDUN	98-99	2	19			85	CES	Indian
9	ĐỖ THANH SANG	IDUN	81	1	9			76	PVD OFFSHORE	Vietnamese
10	MÃ MINH NHỰT	IDUN	82	1	7			79	PVD OFFSHORE	Vietnamese
11	TRƯƠNG THẾ CHÂU	IDUN	85	1	8			60	PVD OFFSHORE	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒ AN	IDUN	84	1	6			119	PVD OFFSHORE	Vietnamese
13	TRƯƠNG MINH HẢO	IDUN	83	1	6			94	PVD OFFSHORE	Vietnamese
14	NGUYỄN TẮT HÒA	PBDA	38	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG SỸ NGỌC	PBDA	42	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN KHẢI	PBDA	41	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH SƠN	PBDA	39	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
18	BÙI ĐẮC CẢNH	PBDA	40	1	7			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	IDUN	13	1.075	21	161	6	55	4		
2	SAVR	0	0	0	0	0	0	11		
3	PBDA	5	350	5	34	0	0	6		
TOTAL		18	1.425	26	195	6	55	21		
WEIGHT KG			1.425		195		55			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 09:50
B.CARD: HONG-2	TO: P2 - P6 - TTC1	CREW: HUNG - VTHẮNG - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05	VNHS FLIGHT: TM26/3780		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐOÀN KHẮC CÂN	P2	98	1	11			60	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU QUỲNH AN	P2	94	1	9			90	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ NGỌC DUNG	P2	87	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	06	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN HIẾU	P2	08	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ THANH LONG	P2	700	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN QUYỀN	P2	88	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH PHÚC	P2	91	1	4	2	25	48	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	93	1	7			54	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LỢI	P2	07	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG TRỌNG OAI	P2	01	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯU ANH TUẤN	P2	05	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐẠI NGHĨA	P2	99	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HỒNG VŨ	P2	96-97	2	15			49	XAYLAP	Vietnamese
15	BÙI HỒNG SÁNG	P2	90	1	14			96	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	95	1	14			90	XAYLAP	Vietnamese
17	BÙI XUÂN ĐIỆP	P2	09	1	11			62	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC HIỀN	P2	89	1	8			82	DUY LINH	Vietnamese
19	TANG MẠNH HA	P2	92	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN NINH	P6	81-82	2	20			74	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ TẤN GIÀU	P6	83-84	2	19	2	40	50	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN DUY NHẤT	P6	86	1	17	1	8	80	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	19	1.291	20	148	2	25	13		
2	P6	3	204	5	56	3	48	8	f1	CHUYEN 1 PAX P6-TTC1
3	TTC1	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	1.495	25	204	5	73	21		
WEIGHT KG			1.495		204		73			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8420	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: RP2 - BK16 - P2	CREW: QVIỆT - MTHAO - VŨ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07	VNHS FLIGHT: TM26/3786		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	60	1	5	1	20	66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT NHƯỠNG	RP2	71	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGÔN QUANG DUY	RP2	67	1	8			97	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ HOÀNG CẨM	RP2	66	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ HỮU QUẢN	RP2	68	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ LAM	RP2	60	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HOÀNG LONG	RP2	77-78	2	18			83	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HỢP	RP2	73	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRƯỜNG CHÍNH	RP2	61	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TUẤN	RP2	79-80	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG TUẤN CƯỜNG	RP2	69-70	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	72	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH BÌNH	RP2	98	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ KHƯƠNG DUY	RP2	74-76	3	14			62	YTE	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HÙNG	RP2	63,700	2	10			65	PSV	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP2	64	1	8			77	PSV	Vietnamese
17	ĐINH VĂN THẮNG	RP2	62	1	5			74	PSV	Vietnamese
18	VÕ VĂN TUẤN TỬ	RP2	65	1	6			71	PSV	Vietnamese
19	LÊ HOÀI NAM	RP2	81	1	5			58	PSV	Vietnamese
20	VÕ QUANG HÀ	P2	74	1	12			63	DUY LINH	Vietnamese
21	PHẠM CÔNG HẬU	P2	75	1	9			63	DUY LINH	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG HA	P2	76	1	8			67	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	19	1.335	25	144	1	20	14		
2	BK16	0	0	0	0	0	0	2		
3	P2	3	193	3	29	0	0	6		
TOTAL		22	1.528	28	173	1	20	22		
WEIGHT KG			1.528		173		20			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO: CTC1 - RC3 - AMD	CREW: KHOÀN - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/3781	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN BÌNH LONG	CTC1	03	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG HIẾU	CTC1	01-02	2	20			85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	87	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN LÝ	CTC1	93	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG KHOA	CTC1	900	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
6	HÀ MẠNH DŨNG	CTC1	99	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HOÀNG SANG	CTC1	94	1	9			95	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	97-98	2	15			58	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM BÙI ĐÌNH LỘC	CTC1	95	1	11			89	KH-THAC	Vietnamese
10	BÙI SỸ HIẾU	CTC1	96	1	5	2	40	61	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯƠNG NGỌC THÀNH	CTC1	04-05	2	10			90	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VINH THẢO	CTC1	91-92	2	20			56	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ XUÂN CHÍNH	CTC1	90	1	9			64	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC THIÊN	CTC1	88	1	7	1	15	64	XAYLAP	Vietnamese
15	TU DUONG HUNG	CTC1	08	1	4			64	PSV	Vietnamese
16	VŨ LÊ TRUNG	RC3	88	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG CÔNG PHỤNG	RC3	90-91	2	10			77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ KHÁNH NAM	RC3	89	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
19	DOÃN QUANG TUẤN	RC3	92	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯƠNG THANH TÙNG	AMD	23-24	2	15	1	15	63	ABS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	15	1.106	19	147	3	55	11		
2	RC3	4	294	5	28	0	0	5		
3	AMD	1	63	2	15	1	15	3		
TOTAL		20	1.463	26	190	4	70	19		
WEIGHT KG			1.463		190		70			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST

Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: MRM - BK5 - RC10	CREW: LINH - SON - NNAM	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 09	VNHS FLIGHT: TM26/3784		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	RAKHMATULIN NADIR	MRM	03-04	2	16			90	AMHGP	Russian
2	ZAPASNIK ILIA	MRM	08-09	2	10			109	AMHGP	Russian
3	ROIK NIKOLAI	MRM	02	1	15			87	AMHGP	Russian
4	DAULETIAROV MAKSIM	MRM	05	1	15			93	AMHGP	Russian
5	NGUYỄN VĂN DŨNG	MRM	07	1	10			70	AMHGP	Vietnamese
6	LÊ VĂN HIẾN	MRM	06	1	4			58	AMHGP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NGHỆ	MRM	12	1	6			72	AMHGP	Vietnamese
8	NGUYỄN SỸ TUẤN	MRM	15	1	18			69	D-HANH	Vietnamese
9	PHẠM VĂN KỲ	MRM	17	1	12			67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HẢI	MRM	10	1	13			80	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN GIANG	MRM	21	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
12	BÙI VĂN ANH	MRM	20	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐỨC HÀ	MRM	14	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	MRM	18-19	2	19			82	KH-THAC	Vietnamese
15	TẠ TRUNG DŨNG	MRM	16	1	12			95	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	MRM	11	1	12			102	KH-THAC	Vietnamese
17	TẠ HẦU THẮNG	MRM	13	1	12			73	DVL	Vietnamese
18	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	01	1	13			111	AMHGP	Russian
19	DO LY KHANH	RC10	72	1	14			82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	18	1.477	21	219	0	0	8		
2	BK5	0	0	0	0	0	0	8		
3	RC10	1	82	1	14	0	0	6		
TOTAL		19	1.559	22	233	0	0	22		
WEIGHT KG			1.559		233		0			

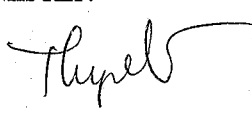
GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.



NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.



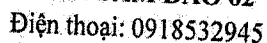
ĐẶNG THÚY ANH

CREW



NGO VĂN LINH
PHẠM THÁI SƠN





Đường bay: TD2

Ngày: 19/8/2026 Nơi xuất phát: TAM ĐẢO 02 Số hiệu máy bay: Giờ cất cánh: 11H03			
Chuyến bay: 02 Nơi đến: Vũng tàu Tổ bay: 619 Giờ hạ cánh: 12H20			
Hành khách			

Hành khách

STT	Tên hành khách	Hộ chiếu/ CMND	Quốc tịch	Chức vụ	Công ty	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	Kg
1	Lê Xuân Đạt	17372	Việt Nam	T nhóm CK	VSP-XNKT	1	8	82
2	Nguyễn Ngọc Dư	21166	Việt Nam	Thợ lái cầu	VSP-XNKT	1	6	65
3	Lưu Bá Xô	17913	Việt Nam	Carota điện	ĐVL	2	14	80
4	Hoàng Hữu Trọng	16575	Việt Nam	Thợ sửa máy	XNCĐ	1	13	67
5	Đoàn Tuấn Dương	18593	Việt Nam	Thợ sửa máy	XNCĐ	1	9	70
6	Đình Mai Thiện	16434	Việt Nam	Thợ sửa máy	XNCĐ	1	10	72
7	Nông Minh Hải	17173	Việt Nam	Thợ sửa máy	XNCĐ	1	10	72
Σ	7					8	70	508

Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số kiện	Trọng lượng (Kg)
1	Loacel cầu	Lưu kho sân bay	1	32
2	Đồ dùng cá nhân	Vũng Tàu	2	21

Ghi chú:

Ghi chú:

Bs/Quản trị:

Bs. Quách Văn Thao

Đại diện gián:

Phi công trưởng:.

Mô tả	S.L.	Trọng lượng
Hành khách	7	508
Hành lý	8	70
Hàng hóa	3	53
Tổng cộng	18	631



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8619	ETD: 11:00
B.CARD: XANH-2	TO: TD2	CREW: TRƯỜNG - TTRUNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10	VNHS FLIGHT: TM26/3770		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	TD2						73	KH-THAC	Vietnamese
2	THÁI QUÂN	TD2	72	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐỨC ĐÔNG	TD2	80	1	4			79	GETRACO	Vietnamese
4	VÕ TUẤN DUY	TD2	84-85	2	15			71	PHATECO	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM	TD2	82	1	14			79	PHATECO	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CHỈNH	TD2	81	1	8			64	PHATECO	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	83	1	8			84	PHATECO	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HOÀNG	TD2	70-71	2	13			74	PHATECO	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LÊM	TD2	69	1	13			68	CODIEN	Vietnamese
10	MAI ĐÌNH KHANG	TD2	35	1	11			52	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD2	78-79	2	19			99	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	TD2	68	1	13			58	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC BIỂU	TD2	34	1	12			64	CODIEN	Vietnamese
14	PHAN THANH TỊNH	TD2	66-67	2	20			65	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG TÂN NGHĨA	TD2	77	1	6			72	PSV	Vietnamese
16	PHẠM MINH TÂM	TD2	86	1	8			62	PSV	Vietnamese
17	VÕ TÁ HÙNG	TD2	73-74	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	TD2	75-76	2	15			72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	18	1.266	23	206	0	0	7		
TOTAL		18	1.266	23	206	0	0	7		
WEIGHT KG			1.266		206		0			

GRAND TOAL: 1.472 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

DƯƠNG VĂN TRƯỜNG
NGUYỄN THÀNH TRUNG

